

# ỨNG DỤNG VIDEO CLIPS TRONG DẠY HỌC MÔN NGHE HIỂU CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH

• ThS. Lê Hồng Phương Thảo<sup>(\*)</sup>

## Tóm tắt

*Bài báo giới thiệu kết quả nghiên cứu thực trạng ứng dụng video clips trong giảng dạy môn Nghe hiểu cho sinh viên năm thứ ba khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp. Kết quả khảo nghiệm bước đầu cho thấy các bài giảng có ứng dụng video clips giúp phát triển các kỹ năng nghe hiểu và phát triển các kỹ năng mềm như kỹ năng phản phê phán, kỹ năng tư duy và góp phần tạo được hứng thú cho người học.*

*Từ khoá: ứng dụng, video clips, nghe hiểu, khảo nghiệm.*

## 1. Đặt vấn đề

Nghe là một trong bốn kỹ năng cơ bản rất quan trọng trong việc dạy và học ngoại ngữ, vì vậy giảng viên (GV) giảng dạy ngoại ngữ luôn không ngừng nghiên cứu và ứng dụng các phương pháp giảng dạy khác nhau giúp cho bài học thú vị và hiệu quả hơn. Theo đề cương và đề cương chi tiết môn Nghe 5 và Nghe 6, sinh viên được yêu cầu nghe các bài hội thoại và thuyết trình có tính học thuật cao, các bài nghe dạng này chủ yếu là được ghi âm lại và thường khá dài (khoảng 10 phút/bài), đồng thời các hoạt động nghe thường là nghe có ghi chú và trả lời câu hỏi. Vì thế, bài học thường thiếu sự đa dạng hoặc đơn điệu về các hoạt động dẫn đến việc khó kích thích hứng thú học tập cho người học. Hơn nữa, nghe từ đĩa rất khó hiểu vì theo Yagang [9]: “nghe từ đĩa là thiếu manh mối về hình ảnh và môi trường tạo ra âm thanh không thấy được ngôn ngữ thể hình và nét mặt của người nói làm cho người nghe khó hiểu cái mà người nói muốn diễn đạt”.

Để khắc phục nhược điểm của bài nghe từ đĩa, GV dạy nghe hiểu thường xuyên sử dụng video clips (VC) trong bài giảng của mình. Song, việc ứng dụng VC phù hợp với nội dung chương trình, trình độ nâng cao và giúp sinh viên chuẩn bị các kỳ thi quốc tế là việc rất khó khăn đối với GV. Mặc dù, sử dụng VC được thực hiện nhiều năm qua, nhưng để xác thực tính hiệu quả của nó dựa trên cơ sở khoa học thì chưa từng có. Vì thế,

chúng tôi tiến hành khảo sát và đánh giá việc sử dụng VC trong dạy học môn Nghe hiểu tiếng Anh nâng cao. Từ kết quả nghiên cứu, bài viết trình bày năm bài dạy có ứng dụng VC cho môn Nghe 6 được thiết kế và dạy thực nghiệm cho sinh viên năm thứ ba chuyên ngành tiếng Anh để kiểm chứng hiệu quả của bài giảng và trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp cải tiến để bài giảng có ứng dụng VC tốt hơn.

## 2. Mục tiêu và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Mục tiêu nghiên cứu

- Phân tích, đánh giá những ưu điểm và hạn chế của việc sử dụng VC trong dạy học nghe hiểu tiếng Anh.

- Thiết kế 5 bài dạy có ứng dụng VC trong dạy môn Nghe hiểu cho SV năm thứ ba chuyên ngành tiếng Anh.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài này sử dụng 2 phương pháp chính là khảo sát bằng bảng câu hỏi dành cho SV và phỏng vấn trực tiếp GV.

Bảng câu hỏi được thiết kế với nhiều dạng câu hỏi để tìm hiểu thực trạng giảng dạy môn Nghe hiểu và ứng dụng VC trong giảng dạy nghe hiểu tiếng Anh. Bảng câu hỏi dùng để thu thập các thông tin về các vấn đề sau: thái độ của SV đối với môn Nghe hiểu (câu hỏi 1), tần suất sử dụng VC trong các bài dạy nghe hiểu của GV (câu hỏi 2, 3), các hoạt động trong bài học có ứng dụng VC (câu hỏi 4, 6, 8), thái độ của sinh viên đối với bài nghe có ứng dụng VC (câu 5) và việc học từ VC bên ngoài lớp học (câu 7, 9, 10, 11 ). Có 48 SV năm thứ 3 (các SV đang học

<sup>(\*)</sup> Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp.

môn Nghe 6) đã tham gia trả lời bằng câu hỏi và gửi phiếu trả lời.

Phỏng vấn được thiết kế để tìm hiểu về việc ứng dụng VC trong giảng dạy của GV như: tần suất sử dụng VC (câu 1), quan điểm của GV về lợi ích của ứng dụng VC trong giảng dạy nghe hiểu (câu 2), các hoạt động trong bài giảng (câu 3) và việc SV tiếp cận bài giảng ngoài lớp (câu 4). Có 02 GV đã và đang dạy môn Nghe 5 và Nghe 6 tham gia phỏng vấn.

### 3. Lợi ích của ứng dụng VC trong dạy môn Nghe hiểu

Ứng dụng VC trong giảng dạy môn Nghe hiểu rất có lợi cho cả người học và người dạy.

Thứ nhất, VC giúp ích cho người học ở trình độ thấp và trình độ cao. Theo Harmer [2], SV được tiếp xúc với ngôn ngữ thật trong ngữ cảnh tự nhiên. Không chỉ thấy được “người thật” mà SV còn thấy được tình huống thật. Ví dụ như phim tài liệu ngắn giúp SV hiểu biết thêm về các nền văn hóa khác nhau và các lối sống khác nhau. Theo Potosi [5], VC là sự kết hợp giữa hình ảnh và âm thanh, chúng sẽ rất hữu ích đối với người học tiếng trình độ thấp vì chúng cung cấp các nguồn ngữ cảnh rất tốt. Theo William [8], đối với người học tiếng Anh trình độ cao hơn, VC cung cấp cho người học nguồn ngôn ngữ thật và thông tin về văn hóa. Cũng theo Potosi [5], hai lợi ích trên cần phải được phân biệt để có thể lựa chọn được các VC phù hợp với trình độ của SV.

Thứ hai, VC giúp nâng cao hứng thú và động cơ học tập. Theo Potosi [5], VC kích thích người lớn muốn học ngoại ngữ vì rất nhiều VC được thực hiện với nội dung dựa vào các câu chuyện được nhiều người yêu thích hay các sự kiện có thật đang xảy ra. Theo Ramal [6], sử dụng VC trong lớp học ngoại ngữ giúp tạo hứng thú cho SV học tập vì SV được trải nghiệm cảm xúc thật qua việc hiểu tình huống thật trong VC.

Thứ ba, VC giúp nâng cao kiến thức ngôn ngữ. Theo Lee [3], VC giúp người học nói lưu loát hơn vì người nghe được nghe người bản ngữ sử dụng các hình thức ngôn ngữ và ngôn ngữ xã hội khác nhau, và dựa vào các hình thức ngôn ngữ và ngôn ngữ xã hội nghe được người học kiểm tra lại phát âm của mình và cố gắng nâng cao năng lực phát triển phát âm. Trong thuyết “Compre-

hensible Input Hypothesis” (ngôn ngữ tiếp cận vừa sức) của Krashen cần hỗ trợ ngôn ngữ theo cách dễ hiểu giúp người học tiếp thu ngôn ngữ và VC làm được điều này. Theo thuyết Dual Coding Theory of Memory and Cognition (thuyết Mã hóa kép của bộ nhớ và nhận thức) của Paivio và the Cognitive Theory of Multimedia Learning (thuyết Nhận thức của học đa phương tiện) của Mayer, trong đầu con người có hai hệ thống xử lý, một là hệ thống xử lý ngôn ngữ và hai là hệ thống xử lý hình ảnh. Khi người học sử dụng hai hệ thống này, người học sẽ dễ dàng nhớ thông tin về các vật thể hay các sự kiện bằng cách tạo ra các hình ảnh trong đầu với VC, người học dễ nhận ra từ vựng và ngữ pháp mà không gặp khó khăn gì.

Thứ tư, VC giúp phát triển các kỹ năng cho SV. Trong nghiên cứu của Ting Hung [7] đã khẳng định, hình ảnh của VC mang lại nhiều lợi ích cho SV như SV trở thành người tự chủ trong học tập và người có óc phê phán khi SV tập trung vào phân tích hình ảnh, hiểu video và nhận ra các điểm mạnh và điểm yếu. Ngoài ra, VC giúp sinh viên trở nên ý thức hơn trong quá trình học tập của mình, vì người học sẽ có được phản hồi ngay lập tức từ phim (xem lại phim khi cần thiết) chứ không chỉ đơn thuần từ giáo viên. Esseberger [1] và Ramal [6] cũng nêu lên một lợi ích của việc sử dụng VC là có thể giúp cho việc học bên ngoài lớp. Bằng cách này, VC có thể tạo cơ hội cho người học tự kiểm soát việc học của mình và tự đánh giá giúp có các phản hồi ngay lập tức về quá trình học của mình.

Thứ năm, VC giúp ích rất nhiều cho việc giảng dạy (Lonergan [4]). GV dễ dàng điều khiển VC, cho tạm dừng hay lặp lại một câu thoại hay một đoạn hội thoại nào đó. Lợi thế này giúp SV tự học rất tốt theo tốc độ học riêng của mỗi sinh viên, vì thế GV có thể giúp SV tiếp cận lại VC đã dạy một cách dễ dàng và các VC tương tự hay các trang web có các VC tương tự giúp các em ôn tập và tự học tốt.

Nói tóm lại, sử dụng VC trong giảng dạy tiếng Anh có lợi cho người học ở mọi trình độ. Đối với người học ở trình độ thấp, VC giúp cho việc học tiếng Anh dễ dàng hơn, người học hiểu thông tin mà người nói đang diễn đạt bằng cách

phỏng đoán qua hành động trong phim. Đối với người học ở trình độ cao hơn, VC giúp SV tăng thêm hứng thú học tập khi nghe nhưng cần sử dụng nội dung từ hình ảnh có tính thử thách hơn. Nếu VC có hình ảnh dễ đoán nội dung, chúng không phù hợp cho việc dạy môn Nghe hiểu cho người học ở trình độ trung cấp trở lên.

#### **4. Thực trạng ứng dụng VC trong giảng dạy môn Nghe hiểu**

Kết quả phân tích thông tin từ nhiều nguồn như: đề cương, đề cương chi tiết, sách, bảng câu hỏi, phỏng vấn GV, cho thấy thực trạng ứng dụng VC trong giảng dạy nghe hiểu cho SV năm thứ 3 có cả ưu điểm và hạn chế dẫn đến hoạt động ứng dụng VC chưa thật sự hiệu quả và thành công.

##### **4.1. Ưu điểm**

Thứ nhất, qua khảo sát cho thấy, trong quá trình giảng dạy, GV có sử dụng VC trong dạy môn Nghe 5, (100% (n=48) SV trả lời GV có sử dụng VC), nhưng số lượng VC được sử dụng trong bài dạy rất ít. Thông tin này cũng trùng khớp thông tin phỏng vấn trực tiếp từ GV. Qua phỏng vấn, chúng tôi thấy rằng, GV dạy Nghe 5 chỉ sử dụng hai VC trong học phần Nghe 5, hai VC này được tải từ trang [www.tedtalks.com](http://www.tedtalks.com). Đồng thời, GV chỉ thỉnh thoảng sử dụng VC trong bài dạy vì GV rất khó lựa chọn VC phù hợp với bài dạy và trình độ của SV, quá trình xem, soạn bài và chuẩn bị các hoạt động phù hợp cũng mất nhiều thời gian.

Thứ hai, GV được phỏng vấn đều nhận ra những lợi ích của việc ứng dụng VC trong giảng dạy môn Nghe: tạo hứng thú cho SV và phát triển kỹ năng nghe.

Thứ ba, GV biết nhiều nguồn tài nguyên VC sử dụng cho giảng dạy. GV có thể tìm được VC phù hợp để ứng dụng cho môn Nghe 5 và Nghe 6 từ các trang web như: [www.newsinlevel.com](http://www.newsinlevel.com), [www.tedtalks.com](http://www.tedtalks.com) and [www.youtube.com](http://www.youtube.com).

##### **4.2. Hạn chế**

Thứ nhất, bài giảng của GV chưa có nhiều các hoạt động đa dạng, đặc biệt là các hoạt động trước khi xem và sau khi xem VC. Kết quả khảo sát cho thấy, các hoạt động nghe không đa dạng, chủ yếu chỉ có hoạt động nghe và trả lời câu hỏi (100% SV, n=48); có 31.5 % (n= 15) nghe và thảo

luận về nội dung video. Đồng thời, có khoảng 71% (n= 34) SV cho biết mình chỉ nghe được một lần và 29.2% (n=14) là nghe hai lần. Qua kết quả phỏng vấn GV, chúng tôi tìm ra nguyên nhân trên là vì đôi khi GV mở VC chỉ để thay đổi không khí trên lớp nên chỉ cho xem VC một lần. Bên cạnh đó, việc thiếu các hoạt động hỗ trợ trước và sau khi nghe cũng ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả việc sử dụng VC trong bài giảng. Những hoạt động trước và sau khi xem VC rất quan trọng vì chúng giúp phát triển động cơ học tập cho SV, góp phần phát triển các kỹ năng mềm cùng với các kỹ năng nghe.

Thứ hai, mục đích GV chọn lựa VC chưa phù hợp. GV thường sử dụng VC trong bài dạy là vì VC giúp sinh viên dễ dàng đoán và hiểu nội dung người nói muốn nói gì, điều này là không thích hợp với SV ở trình độ trung cấp. GV cho SV xem VC chỉ muốn thay đổi không khí trên lớp học, vì hầu hết các bài dạy nghe từ đĩa không có hình ảnh, rất dễ gây nhàm chán. Nhìn chung, GV chưa nhận thức được tiềm năng và lợi ích của việc ứng dụng VC cho SV ở trình độ tiền trung cấp và trung cấp.

Thứ ba, SV chưa được tiếp cận VC nhiều ở ngoài lớp. Kết quả khảo sát cho thấy, SV rất ít tiếp cận với VC ngoài lớp, nói cách khác các em tự học nghe với video chưa cao. 100% (n= 48) SV được khảo sát cho biết có tiếp cận với các trang web tìm VC để học nghe là [www.tedtalks.com](http://www.tedtalks.com) và [www.bbc.co.uk/science](http://www.bbc.co.uk/science) (bbc sciences) (64.6%), nhưng đa số các VC trên hai trang web này tương đối khó hiểu so với trình độ của các em.

Thứ tư, việc ứng dụng VC trong bài dạy của GV mang tính ngẫu hứng, chưa nghiêm túc sử dụng VC trong giảng dạy. Vì trong tài liệu giảng dạy không có VC kèm theo và trong đề cương chi tiết cũng không có bài dạy có ứng dụng VC nên GV còn e ngại, chưa nhiệt tình ứng dụng VC, vì nếu phải tự chọn và soạn giảng VC thì phải mất thời gian.

#### **5. Giải pháp nâng cao ứng dụng VC trong giảng dạy môn Nghe hiểu**

##### **5.1. Một số đề xuất nâng cao ứng dụng VC trong giảng dạy môn Nghe hiểu**

*Đối với GV:* Các hoạt động trong một bài giảng nên được thiết kế đa dạng để khai thác hết

hiệu quả của bài dạy nghe có ứng dụng VC. Thêm vào đó, các hoạt động của bài dạy nghe và bài dạy nghe có ứng dụng VC cần được bổ sung các hoạt động trước khi nghe, trong khi nghe và sau khi nghe. Đặc biệt, việc lựa chọn VC phù hợp với mục tiêu và nội dung giảng dạy cần được ưu tiên. Như vậy, khi chọn video để giảng dạy một cách hiệu quả và phù hợp với trình độ và mục tiêu bài dạy, GV nên tham khảo mục tiêu giảng dạy trong đề cương và đề cương chi tiết. GV nên chuyển tải công khai các VC có nội dung liên quan đến bài học qua các trang web hay phần mềm như blackboard, MOODLE trước hoặc sau lớp học cho SV có thể tự học. Về nguồn tài liệu, GV nên tham khảo các bộ VC chuyên dùng cho giảng dạy như: Lectures Ready 1, 2, 3, English Study, Reading Explorers 2, Big English, Windows on Britain. Trên mạng cũng có sẵn các VC chuyên dùng cho giảng dạy có thể khai thác như: Mr Duncan Channel, ESL videos, BBC learning English trong phần Video zone. GV nên thường xuyên cập nhật thêm nhiều trang web hay để có nguồn tài nguyên VC phong phú ứng dụng trong giảng dạy. Ngoài ra, các VC trên các trang web có độ dài, mật độ ngôn ngữ và chất giọng khác nhau nên GV cũng cần nghiên cứu kỹ trước khi sử dụng. Để có thể ứng dụng VC có hiệu quả trong các bài giảng môn Nghe hiểu, GV cần lưu ý thêm một số vấn đề về mặt kỹ thuật, GV cần phải sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật như máy tính, mạng internet, máy chiếu, loa và khai thác các trang web có hiệu quả. GV nên kiểm tra chất lượng âm thanh và hình ảnh của video và nên tải VC về máy để tránh gặp khó khăn khi mạng internet không hoạt động hay hoạt động quá chậm

*Đối với SV:* SV nên tiếp cận với VC không chỉ trong lớp mà còn ngoài lớp để khuyến khích và phát triển năng lực tự học thông qua hoạt động nghe lại bài và có năng lực tự lựa chọn nội dung nghe phù hợp với năng lực và sở thích của bản thân.

### **5.2. Thực nghiệm và kết quả**

Dựa vào mục tiêu, nội dung trong đề cương Nghe 6, năm bài soạn theo năm chương trong nội dung môn Nghe 6 đã được soạn theo cấu trúc các bài dạy nghe có ứng dụng VC. Nội dung đã được

lựa chọn theo chủ điểm chương trình trong đề cương. Mục tiêu rèn luyện kỹ năng của các bài nghe VC dựa theo mục tiêu chung của chương trình rèn luyện kỹ năng Nghe 6.

Năm bài giảng có ứng dụng VC được dạy thực nghiệm để thu được thông tin về hiệu quả của việc ứng dụng VC trong việc dạy nghe hiểu. Bốn giáo viên dạy môn nghe hiểu được mời dự để đánh giá về bài soạn có ứng dụng VC. Hai vấn đề cơ bản được nghiên cứu đó là cơ cấu và sự phù hợp của bài giảng và phương pháp giảng dạy. Đồng thời, phiếu phỏng vấn còn có các câu hỏi để thu thông tin về chất lượng video và phản hồi của SV trong bài giảng.

Kết quả sau khi dạy thực nghiệm cho thấy, VC được đưa vào bài nghe như là một công cụ nhằm nâng cao động cơ học tập cho SV, ứng dụng VC còn được xem như là một chiến thuật và có tác dụng tích cực trong việc dạy nghe. Qua giảng dạy thực nghiệm, các GV hầu như đồng ý bài giảng có hiệu quả; cấu trúc bài giảng, phương pháp giảng dạy, chất lượng hình ảnh âm thanh và phản ứng của SV là tương đối tốt. Đặc biệt, tạo điều kiện giúp các em tham gia bài học và tạo cơ hội cho các em rèn luyện các kỹ năng khác bên cạnh kỹ năng nghe như: kỹ năng phê phán và kỹ năng lắng nghe người khác.

### **6. Kết luận**

Việc chọn lựa bài và soạn bài có sử dụng VC có thể tốn nhiều thời gian, nhưng nếu chọn lựa và soạn giảng hợp lý, bài dạy sẽ đạt hiệu quả và thành công. Bài soạn nên có cấu trúc và các hoạt động rõ ràng để phát triển các kỹ năng nghe và kỹ năng xã hội cho SV. Dạy bài nghe có ứng dụng VC cũng là việc GV chứng minh cho sinh viên - những giáo viên trong tương lai - thấy được hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, cũng cho thấy GV không phụ thuộc vào sách dạy soạn sẵn, trong khi các sách này vẫn còn gây nhiều tranh luận giữa các GV về nội dung và phương pháp. Vì thế, GV nên thường xuyên ứng dụng VC vào giảng dạy môn Nghe và soạn thảo đầy đủ các hoạt động cần thiết để giúp SV phát triển tốt các kỹ năng nghe và giúp các em rèn luyện các kỹ năng mềm trong quá trình học tập và rèn luyện kỹ năng nghe.

**Tài liệu tham khảo**

- [1]. J. Esseberger (2000), “Notes on Using Video in the Language Classroom”, <http://www.englishclub.com/tefl-articles/video.htm>
- [2]. J. Harmer, (2001), “Teaching with Video”. In A. Pearson Education Limited: *Practice of English language teaching* (pp.282), Editorial Longman, England.
- [3]. L. Lee (2007), “Fostering Second language Oral Communication through Constructivist Interaction in Desktop Video Conferencing”, *Language Annals*, 40(4), pp.635-649.
- [4]. J. Lonergan (1992), *Video in Language Teaching*, Cambridge University Press, Cambridge.
- [5]. L.J.A Potosiet al (2010), *Video Materials as a Teaching Strategy for Listening Comprehension*, Thesis, Universidad Technologica De Pereria.
- [6]. S. Rammal (2006), “Using video in the EFL classroom”, <http://www3.telus.net/linguisticsissues/using%20video>.
- [7]. Ting Hung Hsiu (2009), “Learners’ Perceived Value of Video as Mediation in Foreign Language Learning”, *Journal of Educational Multimedia and Hypermedia*, 18(2), pp.171-190.
- [8]. R.T William&P. Lutes, *Using video in the ESL Classroom*, [http://www.takamatsu-u.ac.jp/library/06\\_gakunaisyupan/kiyo/no48/001-013\\_williams.pdf](http://www.takamatsu-u.ac.jp/library/06_gakunaisyupan/kiyo/no48/001-013_williams.pdf)(em copy đường link sống cho cô)
- [9]. F. Yagang (1993), “Listening: Problems and Solutions”, *English Teaching Forum*, January 31, pp.16-19.

**APPLYING VIDEO CLIPS IN DELIVERING LISTENING COMPREHENSION LESSONS FOR THE THIRD YEAR ENGLISH MAJORS**

**Summary**

This article aims to introduce the effectiveness of applying videos clips in delivering listening comprehension lessons for third-year English majors of Department of Foreign Language Education at Dong Thap University. The initial results of the pilot of delivering lessons with video application proved to be fairly effective on the improvement of the students’ listening skills and the development of some social skills such as brainstorming, critical thinking skills contributing towards creating learning motivation for students.

Keywords: apply, video clips, pilot.

**Phụ lục 1****Bảng 1. Bảng thống kê phản hồi của sinh viên**

STT	Câu hỏi	Câu trả lời	Đếm	%	
1	1a	Anh chị có thích học môn Nghe không?	<b>Có</b>	22	45,8
		<b>Không</b>	26	54,2	
	1b	<b>Nếu thích học môn Nghe</b> , hãy cho biết vì sao anh chị thích học môn Nghe?	Nghe giúp phát âm	18/22	81,8
			Giúp nói tốt hơn	17/22	77,3
			Nghe giúp phát triển kiến thức nói chung.	22/22	100
			Giúp có các kỹ năng nghe	22/22	100
			Phát phát triển khả năng suy luận	3/22	13,6
	1c	<b>Nếu không thích học môn Nghe</b> , hãy cho biết vì sao anh chị không thích học môn Nghe?	Bài nghe dài	26/26	100
			Bài nghe khó hiểu	24/26	92
			Người nói nói quá nhanh	20/26	76,9
			Học nghe thường chỉ nghe và trả lời nên hơn chán	23/26	88,5
			Không tập trung vào các ý được hỏi	25/26	96

2	Giảng viên có sử dụng video clips trên lớp không?	Có	48	100
		Không	0	0
3	Giảng viên thường sử dụng video clips trong giảng dạy tiếng Anh như thế nào?	Mỗi buổi học sử dụng 01 video	0	0
		Mỗi buổi học sử dụng hơn 01 video	0	0
		Mỗi chương bài (ba buổi học) học sử dụng một video	0	0
		Mỗi chương bài học (ba buổi học) sử dụng hơn một video	0	0
		Ít khi sử dụng	48	100
4	Anh chị làm gì khi xem video? (Có thể chọn nhiều câu trả lời)	Học từ vựng và trả lời câu hỏi.	0	0
		Nghe và trả lời câu hỏi	48	100
		Nghe và chọn câu trả lời đúng	0	0
		Nghe và thảo luận nội dung video	15	31.5
		Các hoạt động khác:	0	0
5	Anh chị có thích xem video khi học môn nghe không? Tại sao thích? Tại sao không thích? (Có thể chọn nhiều câu trả lời)	Xem video và nghe để hiểu bài hơn chỉ nghe	29	60.4
		Xem video và nghe khó hiểu bài hơn nghe.	5	10.4
		Xem video không thể chuẩn bị cho các kỳ thi	35	72.9
		Xem video có thể chuẩn bị cho các kỳ thi.	41	85.4
		Xem video thú vị hơn chỉ nghe.	40	83.3
		Xem video khó tập trung vào trả lời các câu hỏi.	38	79.1
		Các lý do khác:	0	0
6	Khi xem video, anh chị được xem mấy lần?	1 lần	34	70.8
		2 lần	14	29.1
		3 lần	0	0
		Nhiều hơn ba lần	0	0
7	Anh chị có xem video lại ngoài lớp không? Nếu có anh chị xem ở đâu?	Có	0	0
		Trên blackboard	0	0
		Trên mạng	0	0
		Chép vào USB và học lại trên máy tính cá nhân	14	29.1
		Không	33	70.8
8	Giảng viên có giới thiệu tựa bài của video trước khi các em xem hay không?	Có	37	77
		Không	5	10

9	Anh chị có học từ video và làm bài tập do giáo viên thiết kế trên mạng không?	Có	0	0
		Không	48	100
10	Hãy nêu tên một số website có video mà giảng viên sử dụng để lấy bài để dạy trên lớp	www.bbc.co.uk/science	31	64,6
		www.tedtalks.com	48	100
11	Hãy nêu tên các quyển sách mà có thiết kế các video mà giảng viên sử dụng?	Không có trả lời		

## Phụ lục 2

### Câu hỏi phỏng vấn

1. Anh/Chị có thường sử dụng video clips trong giảng dạy không?
2. Anh/Chị hãy cho biết lợi ích của việc sử dụng video clips trong việc giảng dạy môn Nghe.
3. Anh/Chị thường tổ chức các hoạt động gì cho sinh viên thực hiện với video clips? (Có thể cho xem bài soạn không?)
4. Anh/Chị có đưa bài giảng lên một trang web (ví dụ như blackboard) và giới thiệu các bài nghe theo chủ điểm cho sinh viên hay không?

*Ngày nhận bài: 27/8/2014; ngày nhận đăng: 06/10/2014.*